

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18/02/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Bền
2. Bà Nguyễn Thị Hồng

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Văn Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ - tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2021/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1992. Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thiên T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

(Chị N, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Thiên T trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Tứ X (nay là xã C), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 15/3/2018. Sau ngày cưới do công việc của chị là giáo viên hợp đồng mẫu giáo mầm non xã Q, huyện Thái Bình nên cuối tuần chị mới về nhà chồng chung sống với anh T, còn anh T công tác tại Công an huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng trong cuộc sống, anh T mãi chơi không có trách nhiệm với gia đình, nên từ tháng 5 năm 2018 chị không về chung sống với anh T mà ở luôn với bố mẹ đẻ, trong thời gian chị ở với bố mẹ chị anh T có

sang tìm gọi chị về để vợ chồng chung sống, nhưng chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên không quay về chung sống. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thiên T.

Về con chung: Chị và anh T chưa có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị anh Nguyễn Thiên T là bị đơn trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống giữa anh và chị N đúng như chị N trình bày, vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên từ tháng 6 năm 2018 chị N không về chung sống cùng anh, anh có sang tìm gọi chị N về để vợ chồng chung sống, nhưng chị N không quay về chung sống với anh, nay chị N xin ly hôn với anh, anh nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con nên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thiên T: Tại biên bản xác minh ngày 14/01/2022, đại diện lãnh đạo xã C cùng các đoàn thể và lãnh đạo thôn T, xã C phản ánh: Vợ chồng hạnh phúc được khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T mãi chơi không có trách nhiệm với gia đình, nên chị N ở nhà bố mẹ đẻ từ tháng 6 năm 2018 cho tới nay. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thiên T đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt có quan điểm chị N xin ly với anh T, anh T nhất trí ly hôn với chị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Trong thời hạn giải quyết vụ án, các bên đương sự không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của BLTTDS; đối với bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của BLTTDS; Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều: 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, đề nghị xử cho

chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Thiên T; Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án giao thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N, bị đơn là anh Nguyễn Thiên T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa, tuy nhiên chị N, anh T bận nên không tham gia tố tụng được, chị N anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Thiên T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Thiên T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (*nay là xã C*), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 15/3/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, chị N đã về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 6/2018, anh chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai, giữa anh chị cũng không có biện pháp gì cải thiện quan hệ tình cảm. Nay cả chị N, anh T đều nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự tự nguyện ly hôn của chị N, anh T không trái pháp luật, do vậy căn cứ các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về quan hệ con chung: Chưa có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị N, anh T đều không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nhung khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, các điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Nguyễn Thiên T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình), được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm*

nghìn đồng) tạm ứng án phí chi đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004365 ngày 28/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Tú